

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	15	101.943.045.648	130.166.739.573
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	16	14.641.237.931	22.950.984.025
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	17	87.301.807.717	107.215.755.548
4. Giá vốn hàng bán	11	18	51.640.568.450	61.634.639.152
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		35.661.239.267	45.581.116.396
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	8.983.942.065	20.003.213.834
7. Chi phí tài chính	22	20	16.066.835	10.017.530
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	24		13.526.201.753	8.614.801.361
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.487.422.036	7.564.450.079
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		25.615.490.708	49.395.061.260
11. Thu nhập khác	31	21	283.151.565	2.111.269.988
12. Chi phí khác	32	22	176.266.663	276.616.717
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		106.884.902	1.834.653.271
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		25.722.375.610	51.229.714.531
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	4.104.005.787	4.618.564.368
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		21.618.369.823	46.611.150.163
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		2.617	6.946

Lập, ngày 18 tháng 01 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Huỳnh Ngọc Bích

Lê Anh Vũ



Ngô Văn Tổng